

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Sỹ Quý;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 271/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh Ng, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Ấp K xã A, huyện D, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông Thạch Thành L, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Ấp K, xã A, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn (bà Ng) có mặt tại phiên tòa, bị đơn (ông L) vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 24/5/2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Ng) trình bày:

Bà Lê Thị Thanh Ng và ông Thạch Thành L chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện D, tỉnh B ngày 08/11/1997. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 11/2021 cho đến nay. Vì vậy, bà Ng làm đơn yêu cầu ly hôn với ông L.

Quá trình chung sống bà Ng, ông L có hai con chung tên Thạch Thị Th1, sinh năm 1998 đã trưởng thành, bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Thạch Bảo M, sinh ngày 05/01/2018, bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

* Ý kiến của cháu Thạch Bảo M: Bà Lê Thị Thanh Ng và ông Thạch Thành L là cha, mẹ ruột của cháu. Cha, mẹ ly hôn cháu không có ý kiến gì. Nếu cha, mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống với mẹ là bà Lê Thị Thanh Ng. Ngoài ra, cháu M không có ý kiến gì khác.

Bà Ng không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra, bà Ng không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Bị đơn ông Thạch Thành L:*

Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông L vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được ý kiến của ông L.

Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B tiến hành xác minh chính quyền địa phương tại nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Ng, ông L đã xác định được: Quá trình chung sống tại địa phương bà Ng, ông L có xảy ra mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không biết. Vì bà Ng, ông L không báo chính quyền địa phương.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Việc vắng mặt của bị đơn là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn; về con chung giao con chung tên Thạch Bảo M, sinh ngày 05/01/2018 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm: Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung đối với bị đơn, kết quả Tòa án xác minh, xác định bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã A, huyện D, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 24/5/2022, nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn với các yêu cầu: Ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Thạch Bảo M, sinh ngày 05/01/2018 và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Thạch Thị Th1, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1997, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện D, tỉnh B vào ngày 08/11/1997. Hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn, xác định quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra nhiều

mâu thuẫn do bị đơn không quan tâm, chăm sóc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được vợ chồng không còn sống chung từ tháng 11/2021 cho đến nay nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, xác định: Bị đơn có đăng ký thường trú tại ấp K, xã A, huyện D, tỉnh B. Tuy nhiên, hiện nay bị đơn đã bỏ địa phương đi đâu sinh sống chính quyền địa phương không rõ do bị đơn không khai báo tạm vắng tại địa phương nhưng bị đơn thường xuyên về địa phương để thăm gia đình. Bị đơn cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có hai con chung tên Thạch Thị Th1, sinh năm 1998 đã trưởng thành và Thạch Bảo M, sinh ngày 05/01/2018, nguyên đơn đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Thạch Bảo M, sinh ngày 05/01/2018 và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Thạch Thị Th1, sinh năm 1998 đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hội đồng xét xử nhận thấy con chung tên Thạch Bảo M, sinh ngày 05/01/2018, nguyên đơn đang trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Đồng thời, cháu Thạch Bảo M cũng có ý kiến nếu nguyên đơn, bị đơn ly hôn thì cháu M có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao con chung tên Thạch Bảo M, sinh ngày 05/01/2018 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh Ng đối với bị đơn ông Thạch Thành L về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Thanh Ng ly hôn với ông Thạch Thành L.

1.2. *Về con chung*: Giao con chung tên Thạch Bảo M, sinh ngày 05/01/2018 cho bà Lê Thị Thanh Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Thanh Ng về việc không yêu cầu ông Thạch Thành L cấp dưỡng nuôi con chung tên Thạch Bảo M, sinh ngày 05/01/2018. Đối với con chung tên Thạch Thị Th1, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

Bà Lê Thị Thanh Ng và ông Thạch Thành L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Lê Thị Thanh Ng không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thanh Ng phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà Ng đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0007611 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/9/2022).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (số 147, ngày 08/11/1997);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Long Ty

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thu Nguyễn Thị Kim Phi

Lê Long Ty